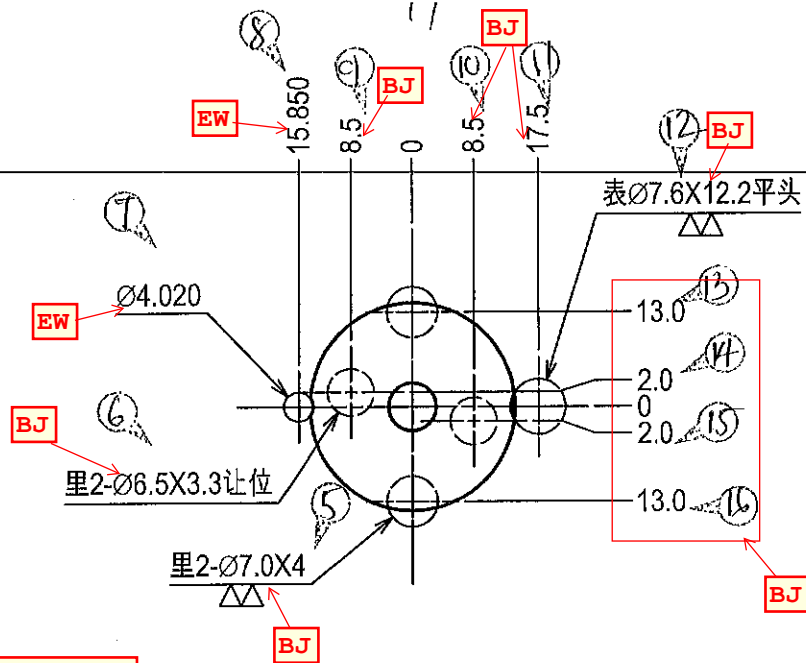
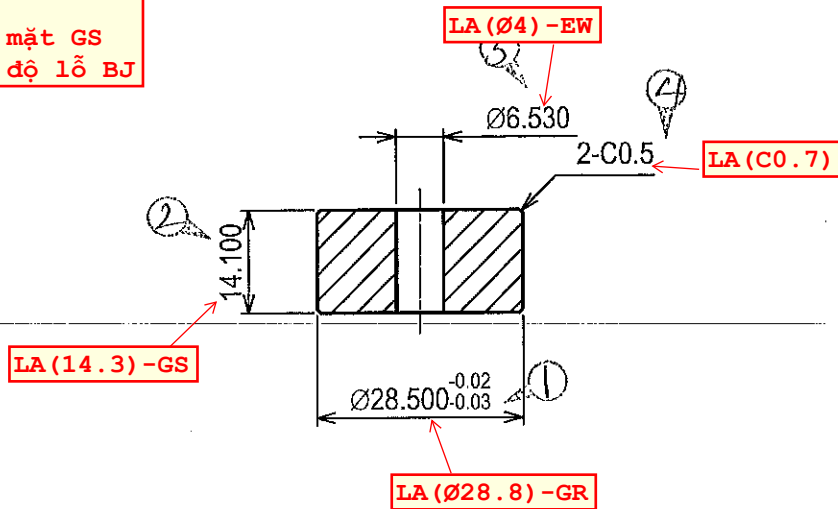


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	OWN	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2015/01/06	新规设计		Zhou Shao Xiong	Zhang Guang Wu	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
						FINISH MARKS			
						▽▽ (▽)			



EW  
-Rà chuẩn theo mặt GS  
-Canh theo tọa độ lỗ BJ



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Zhou Shao Xiong	Zhang Guang Wu	部品図		受付板
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		RECEIVE PLATE
HRC 58 ° ~ 60 °	⑪	部品図		接收板
		部品図		接收板
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
SKS3	2015/01/06	1:1	⊙ ⊢	S941190

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 303 0087

SNO: **S941190**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKD11</b> <b>Ø30*20</b>	LA:30 BJ:40 HT:40 GS1:20 EW:60 GR:40 GS2:30 AF:10 KT